TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2020
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phú.
2. Ông Đoàn Văn Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị X - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn B - Sinh năm 1978 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2020, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Trần Thị X trình bày: Bà và ông Dương Văn B xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Long An. Sống chung hạnh phúc đến năm 2005 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vã. Ly thân từ năm 2008 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn B.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Dương Trọng H, sinh ngày 09/9/2003 và Dương Thị Gia L, sinh ngày 17/02/2007, hiện đang sống với bà. Khi

ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà X có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông B vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Dương Văn B, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông B được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông B không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông B không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa vì ông đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[3] Bà Trần Thị X và ông Dương Văn B chung sống có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông B là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà X, Hội đồng xét xử nhận định: Bà X cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vã. Ông B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên không có căn cứ xem xét; qua lời trình bày của bà X, Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa bà X và ông B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, việc bà X yêu cầu ly hôn với ông B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung tên Dương Trọng H, sinh ngày 09/9/2003 và Dương Thị Gia L, sinh ngày 17/02/2007. Xét từ khi bà X và ông B sống ly thân con chung do bà X nuôi dưỡng, con chung có nguyện vọng sống chung với bà X, nhằm tránh sự thay đổi về tâm lý con chung

nên giao hai con chung cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Xét việc bà X không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà X trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[9] Bà X là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà X đã nộp đủ án phí.

[10] Ông B không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị X được ly hôn với ông Dương Văn B.

2. Về nuôi con chung:

Bà Trần Thị X được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Dương Trọng H, sinh ngày 09/9/2003 và Dương Thị Gia L, sinh ngày 17/02/2007, hiện đang sống với bà X (theo nguyện vọng của con chung). Ông Dương Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông B được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà X và ông B có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0005168 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà X đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Nam (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rê – Nguyễn Thành Hưng **Trần Thị Gái**